

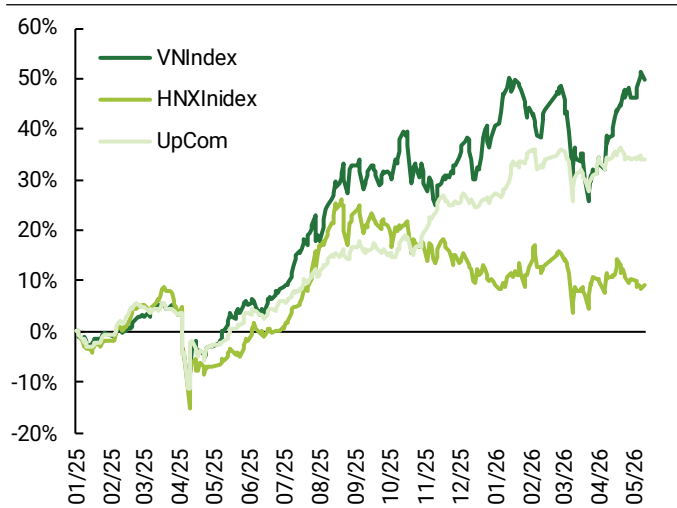
VN-Index **1895.5 (-1.04%)**
1032 Tr. cổ phiếu 28253.2 Tỷ VND (-0.13%)

HNX-Index **248.06 (0.64%)**
67 Tr. cổ phiếu 1281.3 Tỷ VND (55.54%)

UPCOM-Index **127.23 (-0.08%)**
35 Tr. cổ phiếu 552.7 Tỷ VND (-34.57%)

VN30F1M **2039.00 (-1.66%)**
213,210 HD OI: 36,671 HD

% Hiệu suất của các chỉ số từ năm 2025



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1895.5, giảm -19.9 điểm (-1.04%). Khớp lệnh tăng với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. Sắc đỏ ghi nhận ở VN30 trong khi HNXIndex tăng điểm.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Áp lực điều chỉnh đã chiếm ưu thế hơn trong phiên chiều đẩy chỉ số lùi về dưới ngưỡng 1900 điểm. Diễn biến tăng điểm gần đây dựa vào số ít cổ phiếu trụ, khiến đà tăng dễ xảy ra rung lắc và chưa thật sự bền vững.
- Nhóm ngành và cổ phiếu biến động tích cực trong phiên: Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: VSC (+2.3%), PVT (+2.7%), GEE (+3.9%) | Xây dựng và Vật liệu: BMP (+5.3%), CII (+6.8%), CDC (+6.8%) | Dầu khí: PVD (+1.8%), BSR (+6.9%). Diễn biến yếu trong phiên: Bất động sản: VRE (-6.4%), SZC (-3.8%), KBC (-3.3%) | Ngân hàng: BID (-2.1%), STB (-1.8%), CTG (-1.7%) | Thực phẩm và đồ uống: MSN (-3.4%), HAG (-0.6%), VNM (-0.5%) | Tài nguyên Cơ bản: HSG (-2.8%), NKG (-2.5%), SMC (-2.1%).
Tác động chỉ số: Chiều tăng | BSR, GEE, LPB, VIX, GEL, SAB - Chiều giảm | VIC, VHM, BID, MCH, VRE
Khối ngoại Bán ròng gần 1000 tỷ, tập trung nhiều ở VHM, FPT, DGC, trong khi mua ròng BSR, GEE, DCM.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên với nền giảm thân lớn đi kèm thanh khoản gia tăng, tiếp tục cho thấy lực cung chiếm ưu thế trên vùng cao. Dòng tiền cũng phân hóa mạnh hơn và chưa xuất hiện nhóm ngành dẫn dắt rõ ràng. Về kỹ thuật, RSI đã hạ nhiệt từ vùng quá mua, còn độ dốc MACD tiếp tục thu hẹp, phản ánh xung lực tăng đang yếu đi. Trong ngắn hạn, VN-Index có thể dao động quanh vùng 1890 – 1900 điểm để tái tích lũy động lực. Tuy nhiên, trường hợp xuất hiện dấu hiệu thoái lui dưới ngưỡng 1890 điểm sẽ gia tăng áp lực điều chỉnh về khu vực 1850 – 1870 điểm.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số phục hồi nhưng chưa thể vượt lên ngưỡng 250, hàm ý đà giảm vẫn chi phối. Vận động khả năng tiếp tục rung lắc kiểm định thêm. Hỗ trợ thấp hơn quanh ngưỡng 244 trong khi kháng cự mạnh là ngưỡng 256.
- **Chiến lược:** NĐT nên tập trung vào danh mục hiện có để quản trị phù hợp. Hiện đa phần cổ phiếu đang vận động quanh vùng hỗ trợ ngắn hạn, nếu chưa vi phạm, có thể tiếp tục nắm giữ. Chiều mua mới chưa nên vội vàng, cần xuất hiện mẫu hình breakout (bật tăng) đáng tin cậy. Trường hợp giá có dấu hiệu sập gãy xu hướng, nên chủ động hạ bớt vị thế để kiểm soát rủi ro. Các nhóm ngành đáng chú ý: Ngân hàng, Cao su, Cảng biển, Thép.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Mua MSN (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,895.5 ▼	-1.0%	2.2%	8.3%	28,253.2 ▼	-0.1%	33.2%	14.5%	1,032.2 ▲	1.3%	48.9%	7.3%
HNX-Index	248.1 →	0.6%	-0.8%	-1.5%	1,281.3 ▲	55.5%	-12.9%	-21.8%	67.2 ▲	37.9%	-14.6%	-25.6%
UPCOM-Index	127.2 ▼	-0.1%	-0.4%	-0.1%	552.7 ▼	-34.6%	-22.8%	-38.7%	34.8 ▼	-37.2%	-7.0%	-53.5%
VN30	2,040.5 ▼	-1.6%	1.3%	5.8%	13,249.1 ▼	-14.5%	3.2%	1.2%	322.4 ▼	-13.3%	10.0%	-25.2%
VNMID	2,243.8 →	0.3%	2.1%	0.1%	12,728.4 ▲	12.5%	86.7%	29.6%	544.3 ▲	8.9%	77.0%	25.7%
VNSML	1,394.0 ▼	-0.5%	-1.1%	-2.2%	1,234.2 ▲	25.2%	10.9%	11.3%	66.1 ▲	11.0%	-13.3%	-15.8%
Theo ngành (VNIndex)												
Ngân hàng	646.7 ▼	-0.7%	2.91%	2.6%	5,549.2 ▼	-29.51%	-9.4%	1.8%	237.3 ▼	-27.8%	-5.3%	3.8%
Bất động sản	1,028.1 ▼	-1.6%	6.1%	35.7%	5,700.3 ▼	-10.1%	2.9%	29.4%	160.9 ▲	6.5%	-5.2%	19.3%
Dịch vụ tài chính	315.7 ▼	-0.2%	1.9%	-3.1%	3,949.6 ▲	24.2%	48.2%	58.8%	186.4 ▲	22.6%	49.7%	66.1%
Công nghiệp	306.6 ▲	1.5%	13.5%	8.6%	2,115.7 ▼	-7.7%	24.5%	76.3%	57.2 ▼	-14.0%	16.7%	63.9%
Tài nguyên cơ bản	539.3 ▼	-1.3%	0.4%	0.0%	1,041.8 ▲	50.4%	5.1%	2.9%	47.0 ▲	59.7%	16.0%	13.0%
Xây dựng - Vật Liệu	177.6 ▲	1.9%	-0.9%	-3.3%	2,412.4 ▲	35.0%	64.9%	86.5%	105.8 ▲	30.3%	54.3%	70.4%
Thực phẩm	490.7 ▼	-1.5%	-8.6%	-28.8%	1,495.4 ▲	8.7%	12.7%	27.8%	30.4 ▲	6.0%	6.8%	13.5%
Bán Lẻ	1,527.7 ▼	-2.0%	0.3%	1.4%	1,240.3 ▲	80.8%	56.8%	81.1%	18.7 ▲	92.6%	87.8%	111.1%
Công nghệ	379.6 ▼	-2.6%	-4.4%	-8.7%	1,242.3 ▲	4.1%	33.8%	85.2%	21.1 ▲	25.7%	56.4%	118.1%
Hóa chất	184.3 ▼	-1.6%	2.8%	2.5%	1,009.7 ▲	45.9%	44.3%	76.8%	25.7 ▲	43.7%	31.6%	61.8%
Tiện ích	725.2 ▼	-0.9%	0.9%	-3.7%	404.5 ▼	-34.3%	-35.5%	-8.8%	18.5 ▼	-42.2%	-43.5%	-7.1%
Dầu khí	109.2 ▲	4.3%	6.8%	-1.6%	1,043.4 ▲	136.2%	49.6%	94.9%	35.9 ▲	133.0%	50.4%	98.1%
Dược phẩm	417.8 ▼	-0.6%	0.1%	-3.4%	59.1 ▲	54.8%	-7.7%	15.9%	1.7 ▼	-7.2%	-34.7%	-9.9%
Bảo hiểm	101.0 ▼	-2.9%	-5.2%	-17.9%	97.6 ▼	-7.0%	52.2%	82.1%	1.8 ▼	-16.8%	38.3%	63.9%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,895.5 ▼	-1.04%	6.2%	15.6x	2.2x
SET-Index	Thái Lan	1,489 ▼	-0.74%	18.2%	17.1x	1.4x
JCI-Index	Indonesia	6,906 ▼	-0.92%	-20.1%	16.0x	1.8x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,932 ▬	0.01%	5.1%	17.0x	1.5x
PSEi Index	Phillipines	5,987 ▬	0.43%	-1.1%	9.2x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,225 ▲	1.078%	6.5%	18.6x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	26,407 ▬	0.05%	3.0%	13.7x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	62,418 ▼	-0.47%	24.0%	24.4x	3.0x
S&P 500	Mỹ	7,399 ▬	0.84%	8.1%	29.0x	5.8x
Dow Jones	Mỹ	49,609 ▬	0.02%	3.2%	25.4x	5.7x
FTSE 100	Anh	10,238 ▬	0.05%	3.1%	16.3x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,881 ▼	-0.52%	1.5%	17.2x	2.5x
DXY		98.0 ▬	0.11%	-0.3%		
USDVND		26,323 ▬	0.06%	0.1%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

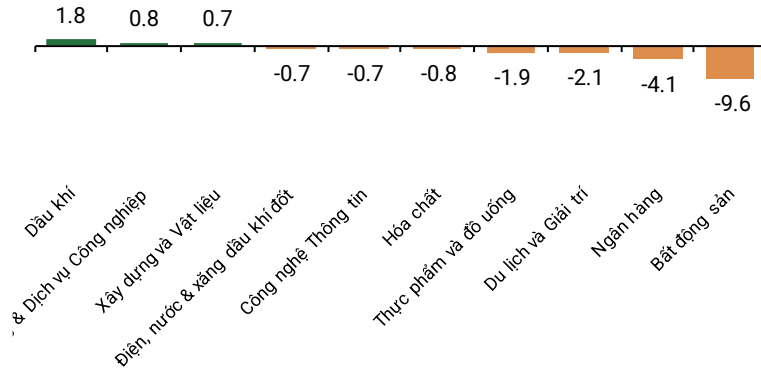
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▲	2.54%	9.1%	70.7%	62.5%
Dầu WTI	▲	2.6%	1.4%	70.6%	60.5%
Khí gas	▲	1.8%	6.0%	-23.9%	-26.1%
Than cốc (*)	▲	3.4%	6.9%	6.9%	13.2%
Thép HRC (*)	▬	0.2%	6.1%	6.7%	6.3%
PVC (*)	▼	-0.4%	0.5%	11.0%	5.7%
Phân Urea (*)	▼	-1.3%	-4.4%	86.5%	101.2%
Cao su thiên nhiên	▲	1.1%	10.0%	24.1%	30.4%
Bông Cotton	▼	-0.1%	15.6%	31.7%	27.1%
Đường	▬	0.3%	7.2%	-1.8%	-17.1%
World Container Index	▬	0.0%	-1.0%	3.3%	10.1%
Baltic Dirty tanker Index	▼	-2.1%	-27.7%	95.1%	158.7%
Vàng	▼	-1.06%	-1.8%	8.0%	40.3%
Bạc	▬	0.10%	6.0%	12.2%	145.7%

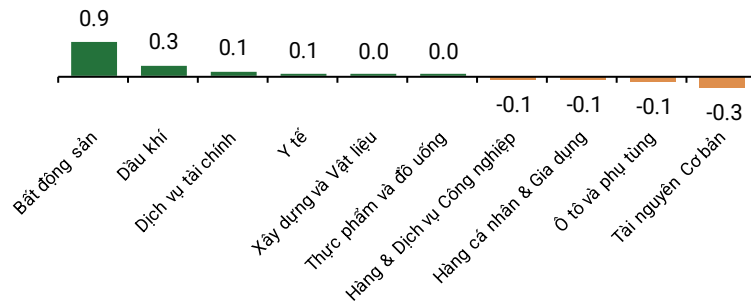
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

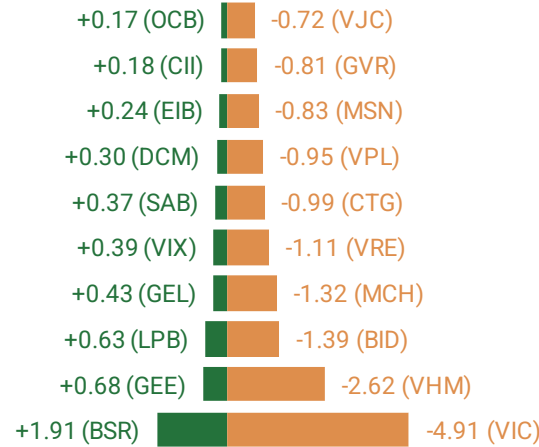
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



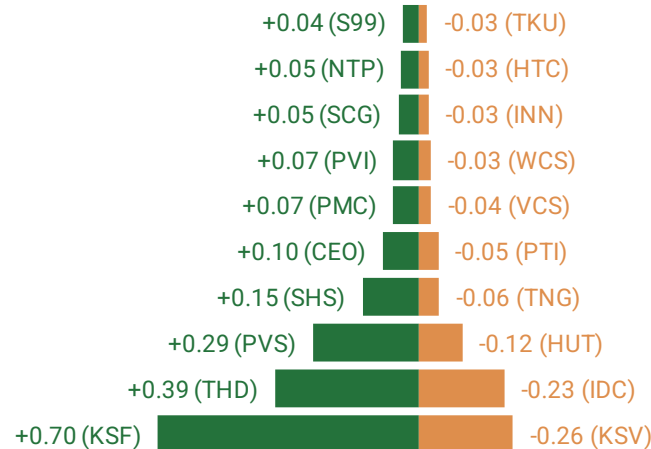
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

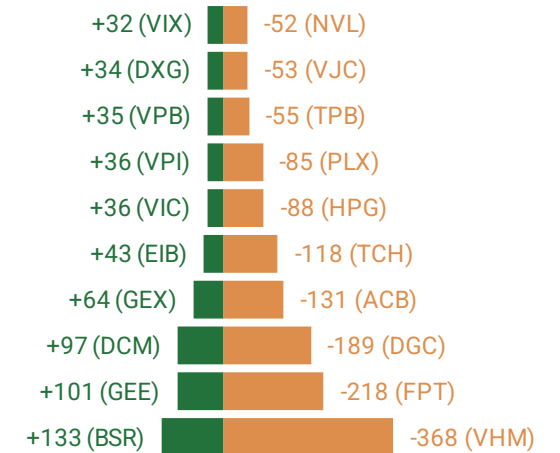


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

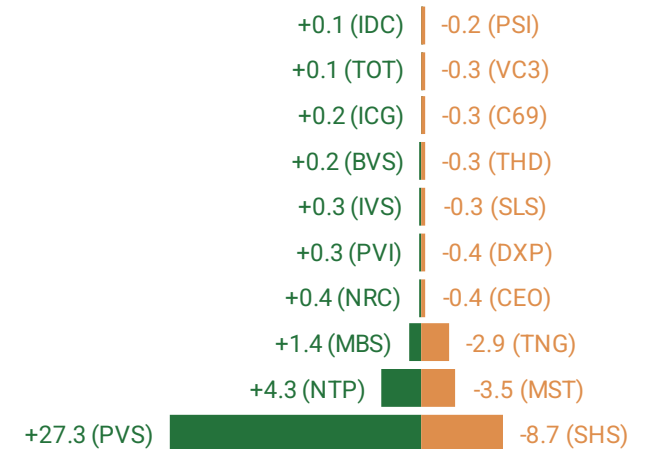


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	VIX	VHM	FPT	VIC	GEX
%DoD	4.0%	-1.8%	-2.6%	-1.3%	1.8%
Giá trị	2,026	1,408	1,200	1,052	1,009

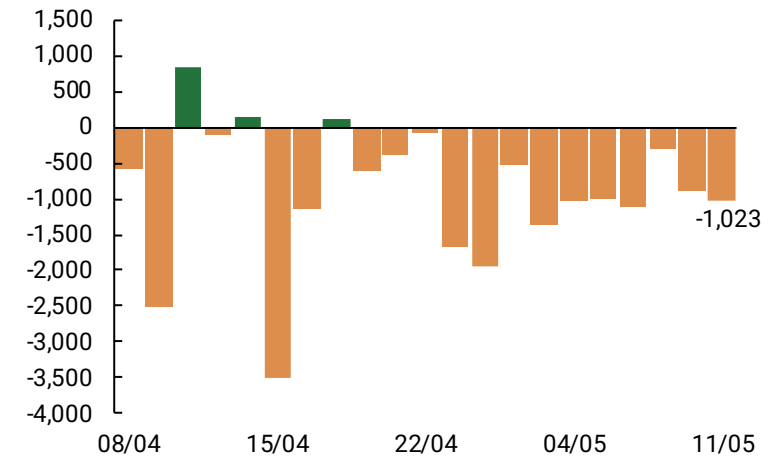
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	GEL	PET	SHB	HDB	MWG
%DoD	6.9%	-2.6%	-0.7%	-1.6%	-1.3%
Giá trị	268	224	222	204	201

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



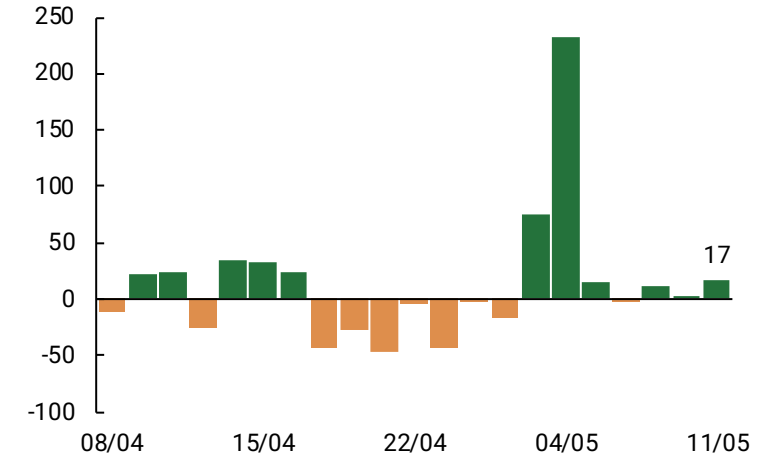
	SHS	CEO	PVS	MBS	IDC
%DoD	1.7%	1.8%	2.6%	0.0%	-2.4%
Giá trị	378	225	173	59	58

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	SCG	HMH	VTV	PVS	VSA
%DoD	1.6%	-9.1%	0.0%	2.6%	-0.5%
Giá trị	45	7	1	0	0

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNINDEX

- ✓ Nến giảm thân lớn, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1850 | 1800.
- ✓ Kháng cự: 1920 | 1950.
- ✓ Chỉ báo RSI giảm từ vùng quá mua.
- ✓ Xu hướng: Hạ nhiệt củng cố lại đà.

Kịch bản: Chỉ số tiếp tục rung lắc quanh khu vực định cũ với tâm lý thận trọng chiếm ưu thế. Điểm trừ là độ rộng thị trường trở lại thu hẹp. Chỉ báo RSI cũng giảm từ vùng quá mua, hàm ý động lượng suy yếu. Nếu xuất hiện thêm nến đỏ đóng cửa dưới ngưỡng 1890 điểm sẽ gia tăng khả năng điều chỉnh về khu vực 1850 – 1870 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến giảm thân lớn, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 2040 | 2000.
- ✓ Kháng cự: 2080 | 2220.
- ✓ Chỉ báo RSI giảm từ vùng quá mua.
- ✓ Xu hướng: Hạ nhiệt củng cố lại đà.

Kịch bản: Quán tính đi lên đã gặp trở ngại khi đà tăng chỉ tập trung ở số ít mã trụ cột, và rủi ro đảo chiều hiện hữu nếu các mã này mất đà. Nhịp điều chỉnh là cần thiết để củng cố lại động lực. Hỗ trợ gần hiện quanh vùng 2000 – 2040 điểm, nơi cung cầu khả năng trở lại giằng co.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio	
Ticker	MSN	BUY	Current price		77.5	P/E (x)	23.7
Exchange	HOSE		Action price	06/03	78.5 - 79	P/B (x)	3.1
Sector	Food Products		Target price		88	EPS	3267.8
			Cut loss		75	ROE	14.4%
						Stock Rating	BB
						Scale Market Cap	Large



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá điều chỉnh lấp "gap tăng"
 - Chỉ báo MACD vận động trên đường tín hiệu, trong khi RSI hạ nhiệt nhưng vẫn ngang mức trung bình, có thể nhận được hỗ trợ từ đây.
 - Thanh khoản chưa đột biến cho thấy cung bán chưa gây áp lực lớn.
 - MA20 cắt lên MA50 củng cố vị thế trung hạn.
- ➔ Giá điều chỉnh về hỗ trợ.
- ➔ Khuyến nghị Mua, có thể tận dụng rung lắc trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	MSN	Mua	11/05/2026	77.50	78.5 - 79	-	88	11.68%	75	-4.82%	Cập nhật trên Elite Picks

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	SIP	Mua	09/04/2026	-	59.5	60.5 - 61	-2.1%	68	11.93%	57	-6.17%	Cổ tức tiền mặt 11/05 - 500 đồng/cp
2	VIB	Mua	09/04/2026	-	15.95	16.2 - 16.3	-1.8%	17.7	8.92%	15.5	-4.62%	
3	HPG	Mua	14/04/2026	-	27	27.6 - 27.8	-2.5%	31	11.91%	26	-6.14%	
4	MBB	Mua	05/05/2026	-	26	25.9 - 26.1	0.0%	29	11.54%	24.4	-6.15%	
5	MWG	Mua	08/05/2026	-	83.5	84 - 84.6	-0.9%	94	11.51%	80	-5.10%	
6	MSN	Mua	11/05/2026	-	77.5	78.5 - 79	-1.6%	88	11.68%	75	-4.82%	



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 2039, giảm 34.4 điểm (-1.7%). Áp lực điều chỉnh chiếm ưu thế trong giao dịch, và gia tăng mạnh hơn về cuối phiên chiều.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD cắt xuống đường tín hiệu và mở rộng độ dốc, trong khi RSI cũng đang trên đà giảm, hàm ý áp lực điều chỉnh chi phối. Dù vậy RSI ở khu đồ thị 15 phút đang tiếp cận mức quá bán cao. Vị thế Short chỉ nên tham gia nếu giá xác nhận lùi về dưới ngưỡng 2035, hoặc nên chờ khi giá phục hồi và suy yếu tại kháng cự 2065 – 2070. Vị thế Long cân nhắc khi giá bật tăng và củng cố trên ngưỡng 2048.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1979, giảm 12.5 điểm (-0.6%). Độ lệch basis 0.6 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 42HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1970 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1990 điểm.

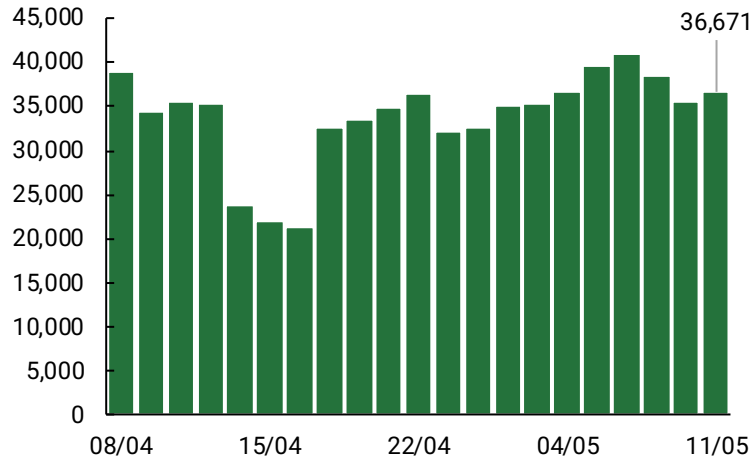
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 2048	2060	2040	12 : 8
Short	< 2035	2020	2045	15 : 10
Short	< 2065	2050	2074	15 : 9

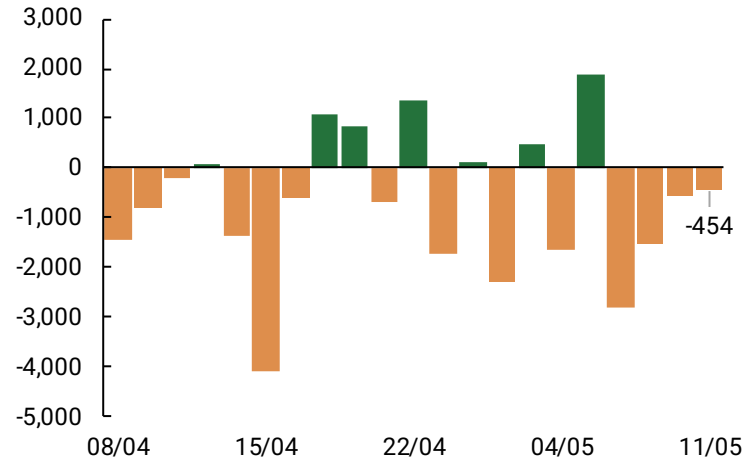
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111GC000	2,040.9	-26.8	15	47	2,059.2	-18.3	17/12/2026	220
4111G9000	2,042.4	-28.7	48	327	2,051.4	-9.0	17/09/2026	129
4111G6000	2,040.0	-31.2	430	2,570	2,043.7	-3.7	18/06/2026	38
4111G5000	2,039.0	-34.4	213,210	36,671	2,041.4	-2.4	21/05/2026	10
4112G5000	1,979.0	-12.5	42	33	1,979.2	-0.2	21/05/2026	10

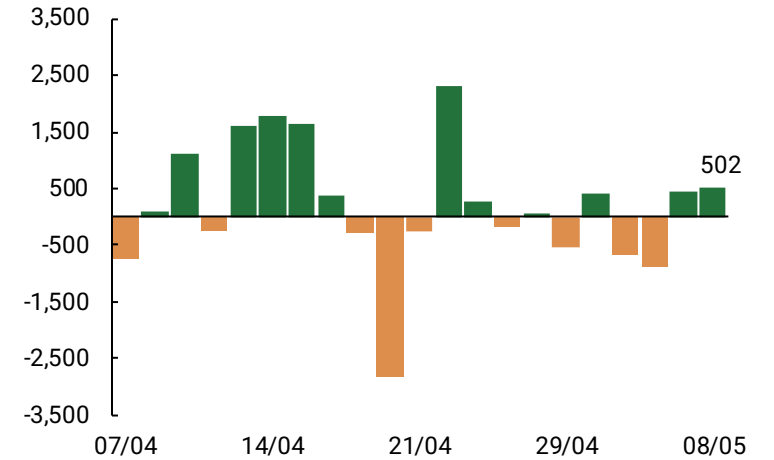
Khối lượng mở (Open interest)



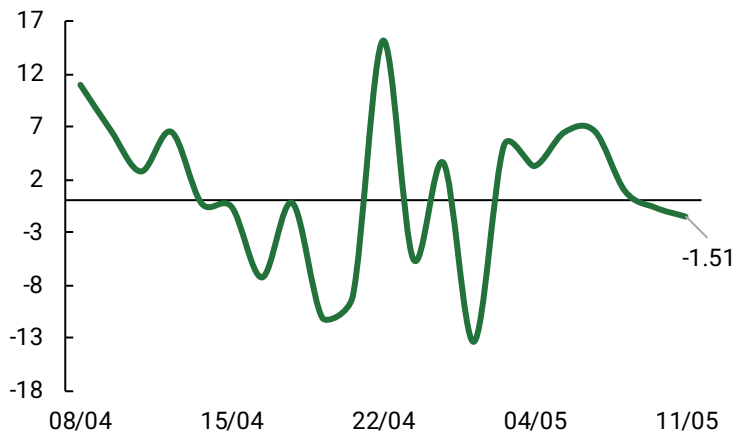
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



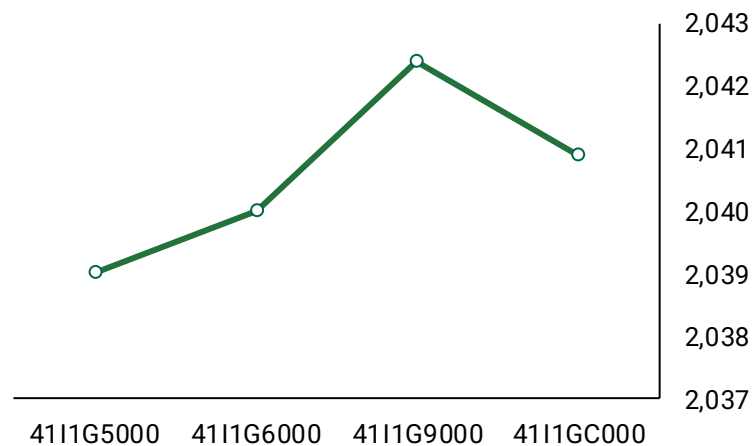
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



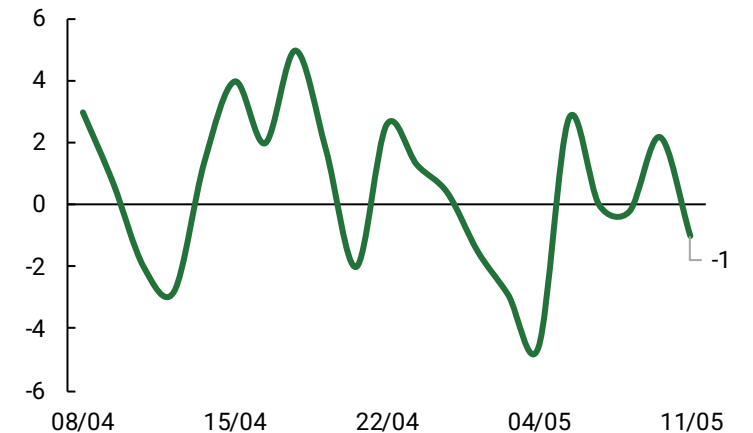
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



01/05	Vietnam & Mỹ - Chỉ số PMI
03/05	Việt Nam – Báo cáo kinh tế - xã hội tháng 4/2026
08/05	Mỹ – Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
09/05	Mỹ - Các thành viên FOMC phát biểu
11/05	Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
12/05	Mỹ– Chỉ số CPI
13/05	Mỹ - Chỉ số PPI Việt Nam – Công bố danh mục (MSCI)
14/05	Mỹ - Doanh số bán lẻ
18/05	Trung Quốc – Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
21/05	Việt Nam – Đáo hạn hợp đồng tương lai Mỹ – Biên bản cuộc họp FOMC
28/05	Mỹ - Ước tăng trưởng GDP (lần 2), Chỉ số PCE lõi
31/05	Trung Quốc - Chỉ số PMI

THÔNG TIN VĨ MÔ

Mỹ bác đề xuất hòa bình của Iran, Israel nhấn mạnh cuộc chiến 'chưa kết thúc': Vào ngày 10/5, Tổng thống Mỹ Donald Trump đã thẳng thừng bác bỏ đề xuất mới của Iran, được đưa ra nhằm đáp lại kế hoạch chấm dứt chiến sự do Washington đề xuất. Cùng ngày, Thủ tướng Israel Benjamin Netanyahu khẳng định cuộc chiến vẫn “chưa kết thúc”.

Vượt Thái Lan và Singapore, Việt Nam dẫn đầu Đông Nam Á về tăng trưởng khách quốc tế: Theo Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam, trong tháng 4, Việt Nam đón 2.03 triệu lượt khách quốc tế, nâng tổng lượng khách trong 4 tháng đầu năm lên 8.8 triệu lượt, tăng 14.6% so với cùng kỳ năm 2025. Với mức tăng này, Việt Nam trở thành điểm đến duy nhất tại Đông Nam Á duy trì tăng trưởng hai con số, vượt Thái Lan, Singapore và nhiều thị trường lớn trong khu vực.

Doanh thu bán lẻ hàng hóa TP.HCM tăng mạnh nhất trong vòng 1 năm: Theo Phó Giám đốc Sở Công Thương TP.Hồ Chí Minh, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 4/2026 ước đạt 161,296 tỷ đồng, tăng 10.4% so với cùng kỳ năm trước.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

HSG, NKG - Hoa Sen và Nam Kim bị điều tra chống bán phá giá tại Úc: Ủy ban Chống bán phá giá Australia mở điều tra thép mạ kẽm nhập khẩu từ Việt Nam. Trong danh sách bị điều tra có Tập đoàn Hoa Sen (HSG) và Thép Nam Kim (NKG). Điều tra dựa trên khiếu nại của Blue Scope, cho rằng xuất khẩu bán giá thấp hơn bình thường, gây thiệt hại cho ngành thép nội địa. Thời gian điều tra từ 1/1/2025 đến 31/12/2025, dự kiến báo cáo vào 2/10/2026. Báo cáo sơ bộ ước tính biên độ bán phá giá lên tới 56.21% cho doanh nghiệp Việt Nam.

MPC - Doanh thu “vua tôm” Minh Phú cao thứ hai lịch sử, lãi gấp 12 lần: BCTC hợp nhất quý 1/2026 cho thấy MPC có quý tăng trưởng mạnh nhất trong nhiều năm trở lại đây. Doanh thu hơn 5.7 ngàn tỷ đồng, gấp đôi cùng kỳ. Lãi gộp 709 tỷ đồng, gấp 2.8 lần, cao nhất kể từ năm 2022, và lãi ròng 208 tỷ đồng, gấp gần 12 lần quý 1 năm ngoái. Theo Minh Phú giải thích, kết quả cải thiện chủ yếu đến từ việc đẩy mạnh sản xuất và xuất khẩu nhóm hàng giá trị gia tăng, chế biến sâu - mảng có biên lợi nhuận cao hơn. Công ty đồng thời kiểm soát tốt dòng tiền và chi phí vận hành, qua đó kéo lợi nhuận đi lên.

MWG - Chuỗi nhà thuốc của Thế Giới Di Động sắp hết lỗ: Tại buổi họp nhà đầu tư, CEO MWG cho biết chuỗi nhà thuốc An Khang sắp đạt hòa vốn sau tái cấu trúc và đặt mục tiêu có lãi năm 2026. Doanh thu năm ngoái đạt 2,200 tỷ đồng, doanh thu bình quân mỗi cửa hàng tăng 17 % so với cùng kỳ, đạt khoảng 550 triệu đồng/tháng. Mặc dù vẫn lỗ 111 tỷ đồng, ban lãnh đạo đã đóng cửa không hiệu quả, thay đổi danh mục và kiểm soát chi phí, và sẽ mở rộng một cách thận trọng.

REE tăng lãi 17% nhờ mảng cơ điện lạnh bút phá: REE đạt doanh thu thuần hơn 2.47 ngàn tỷ đồng, tăng 20% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, mảng Hạ tầng điện và nước vẫn đóng góp chủ lực với doanh thu hơn 1.44 ngàn tỷ đồng, tăng 8%. Tuy nhiên, điểm sáng là mảng Cơ điện lạnh, mang lại doanh thu 722 tỷ đồng, tăng tới 59%. Mảng bất động sản tăng trưởng nhẹ, đạt gần 313 tỷ đồng. Sau khi trừ chi phí, REE lãi ròng 714 tỷ đồng, tăng trưởng 17%.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BCM	52,000	73,400	41.2%	Mua
CTG	35,600	45,200	27.0%	Mua
CTD	76,000	82,900	9.1%	Nắm giữ
DBD	49,400	68,000	37.7%	Mua
DDV	26,289	35,900	36.6%	Mua
DGW	41,500	48,500	16.9%	Tăng tỷ trọng
DPG	41,700	42,900	2.9%	Nắm giữ
DPR	41,750	46,500	11.4%	Tăng tỷ trọng
DRI	14,178	17,200	21.3%	Mua
EVF	13,300	14,400	8.3%	Nắm giữ
FRT	138,000	157,600	14.2%	Tăng tỷ trọng
GMD	79,700	77,000	-3.4%	Giảm tỷ trọng
HAH	56,400	60,300	6.9%	Nắm giữ
HDG	24,850	34,000	36.8%	Mua
HHV	12,150	12,300	1.2%	Nắm giữ
HPG	27,000	33,800	25.2%	Mua
IMP	46,850	55,000	17.4%	Tăng tỷ trọng
KDH	23,750	38,800	63.4%	Mua
MCH	126,000	177,200	40.6%	Mua
MWG	83,500	99,600	19.3%	Tăng tỷ trọng

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	26,000	34,000	30.8%	Mua
NLG	26,400	39,900	51.1%	Mua
NT2	23,100	27,700	19.9%	Tăng tỷ trọng
PHR	62,700	72,800	16.1%	Tăng tỷ trọng
PNJ	69,100	75,500	9.3%	Nắm giữ
PVS	39,700	39,900	0.5%	Nắm giữ
PVT	22,700	18,900	-16.7%	Bán
POW	13,950	15,000	7.5%	Nắm giữ
SAB	47,600	57,900	21.6%	Mua
SSI	28,300	32,100	13.4%	Tăng tỷ trọng
TLG	50,200	50,900	1.4%	Nắm giữ
TCB	33,800	42,400	25.4%	Mua
TCM	22,700	37,900	67.0%	Mua
TRC	73,400	94,800	29.2%	Mua
VCB	60,300	84,200	39.6%	Mua
VPB	27,800	37,000	33.1%	Mua
VCG	21,800	26,200	20.2%	Mua
VHC	61,000	60,000	-1.6%	Giảm tỷ trọng
VNM	60,600	66,650	10.0%	Nắm giữ

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415